

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT;

Căn cứ Quy định số 2989/QĐ-ĐHV ngày 01/11/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh cụ thể hóa một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh.

Điều 2. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quy định số 2989/QĐ-ĐHV ngày 01/11/2011, các quy định khác có liên quan đến công tác đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các khoa đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị liên quan, toàn thể cán bộ giảng viên và sinh viên hệ chính quy chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GD & ĐT (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu;
- Gửi qua eOffice và đăng Website;
- Lưu HCTH, Đào tạo.



PGS.TS. Đinh Xuân Khoa

QUY ĐỊNH

Đào tạo Đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ở Trường Đại học Vinh

(Ban hành theo Quyết định số: **868** QĐ-ĐHV ngày 02/4/2013 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Vinh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy định này cụ thể hóa Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Quy chế đào tạo số 43), Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo số 43 và một số văn bản khác của Nhà trường có liên quan đến đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên hệ chính quy trình độ đại học ở Trường Đại học Vinh.

Điều 2. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần

1. Chương trình giáo dục đại học của Trường được thiết kế cho từng ngành đào tạo (kiểu đơn ngành) hoặc với một số ngành (kiểu song ngành, kiểu ngành chính - ngành phụ, kiểu 2 văn bằng) và được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Hiệu trưởng quy định và hướng dẫn tổ chức, triển khai xây dựng chương trình đào tạo và ký quyết định ban hành.

2. Chương trình đào tạo được thể hiện ở “Khung chương trình đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” (Sau đây gọi là “Khung chương trình đào tạo”) và “Đề cương chi tiết học phần”.

3. Đề cương chi tiết học phần

a) Đề cương chi tiết của học phần phải thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần.

Đề cương chi tiết học phần bao gồm:

- Thông tin về đơn vị đào tạo (tên trường, khoa, bộ môn,...);
- Thông tin về học phần (tên học phần, bắt buộc hay tự chọn, các học phần tiên quyết, số lượng tín chỉ, loại giờ tín chỉ,...);

- Thông tin về tổ chức dạy và học;
- Mục tiêu, nội dung cơ bản và phương pháp giảng dạy học phần;
- Giáo trình sử dụng và danh mục tài liệu tham khảo;
- Các yêu cầu và quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập;
- Một số thông tin khác liên quan theo quy định và hướng dẫn của Nhà trường.

Trưởng khoa, Trưởng Bộ môn tổ chức xây dựng “Đề cương chi tiết học phần”, thông qua Hội đồng khoa học và đào tạo của khoa để trình Hiệu trưởng phê duyệt.

b) Trên cơ sở “Đề cương chi tiết học phần”, giảng viên biên soạn bài giảng để giảng dạy học phần.

c) Hàng năm, nội dung học phần được điều chỉnh, bổ sung, cập nhật phù hợp với trình độ phát triển của khoa học-công nghệ và yêu cầu của thực tiễn. Việc điều chỉnh, bổ sung những nội dung cơ bản của học phần phải được Hội đồng Khoa học và Đào tạo của các khoa thông qua và lập thành hồ sơ lưu tại đơn vị. Trên cơ sở đó, đề cương chi tiết học phần cũng phải thay đổi cho phù hợp.

Điều 3. Học phần và tín chỉ

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Học phần thường có khối lượng kiến thức từ 2 đến 5 tín chỉ (trừ một số môn học Giáo dục Quốc phòng-An ninh, Giáo dục Thể chất và các học phần thực hành, thí nghiệm, thực tập chuyên môn, đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp), được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ.

Học phần có mã số riêng và số tín chỉ xác định được thể hiện trong khung chương trình đào tạo.

Có 2 loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

- Học phần bắt buộc là học phần trong chương trình đào tạo chứa đựng những nội dung chính yếu của ngành và chuyên ngành đào tạo, sinh viên bắt buộc phải hoàn thành đạt yêu cầu để được xét công nhận tốt nghiệp.

- Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung cần thiết cho định hướng nghề nghiệp, sinh viên có thể lựa chọn đăng ký học. Nếu không đạt học phần tự chọn nào đó, sinh viên có thể chọn đăng ký học lại học phần đó hoặc học phần khác cùng nhóm.

Hai loại học phần trên còn có các dạng: học phần tiên quyết, học phần học trước, học phần thay thế.

+ Học phần tiên quyết: Học phần A là học phần tiên quyết đối với học phần B, khi đăng ký học phần B sinh viên phải tích lũy đạt học phần A.

+ Học phần học trước: Học phần A là học phần học trước của học phần B, khi đăng ký học phần B sinh viên phải được xác nhận đã học xong học phần A.

+ Học phần thay thế là học phần được sử dụng thay cho một học phần khác có trong chương trình đào tạo cũ nhưng nay không còn tổ chức giảng dạy nữa.

Học phần thay thế do khoa chuyên ngành đề xuất có thể được áp dụng cho các khóa, ngành hoặc áp dụng hạn chế cho một số khóa, ngành.

2. Tín chỉ là đơn vị quy chuẩn để lượng hoá khối lượng kiến thức, khối lượng học tập, giảng dạy trong chương trình đào tạo và đo lường tiến độ học tập của sinh viên.

Số tín chỉ của học phần là một số nguyên.

Một tín chỉ được tính bằng số tiết học tương ứng với các hình thức học tập như sau:

- 15 tiết lý thuyết;
- 22,5 - 30 tiết bài tập, thảo luận, thực hành, thí nghiệm;
- 45 - 60 giờ kiến tập, thực tập, thực tế, thực địa;
- 30 - 45 giờ làm tiểu luận, bài tập, đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp.

3. Một tiết học được tính bằng 50 phút.

Chương II TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 4. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình đào tạo cụ thể. Thời gian toàn khóa học được quy định cho các ngành đào tạo như sau:

- Đào tạo trình độ đại học được thực hiện từ 4 – 5 năm tùy theo từng ngành nghề đào tạo.

- Đào tạo liên thông trình độ đại học (cho đối tượng có bằng Cao đẳng chính quy) được thực hiện từ 2 – 3 năm tùy theo từng ngành nghề đào tạo.

2. Năm học gồm hai học kỳ chính (gọi là học kỳ 1 và học kỳ 2), mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi.

Ngoài 2 học kỳ chính, Nhà trường tổ chức thêm học kỳ phụ (gọi là học kỳ hè) để sinh viên có điều kiện học lại, học bù và học thêm. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi.

3. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình

Thời gian tối đa để hoàn thành một chương trình (ngành học) được quy định như sau:

- Đào tạo trình độ đại học 4 năm, cộng thêm 4 học kỳ; 5 năm, cộng thêm 6 học kỳ;

- Đào tạo liên thông trình độ đại học, cộng thêm 2 học kỳ.

Thời gian được nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân và thời gian học ở trường khác khi chuyển về Trường Đại học Vinh (nếu có) đều được tính vào thời gian tối đa của khóa đào tạo.

Các đối tượng ưu tiên theo quy định trong Quy chế tuyển sinh ĐH&CD hệ chính quy không hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

4. Kế hoạch dạy - học trong từng năm học và từng học kỳ được thể hiện ở “Kế hoạch thời gian đào tạo năm học” và “Thời khóa biểu từng học kỳ”.

Điều 5. Đăng ký nhập học

Sau khi trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh đại học hệ chính quy, sinh viên phải đến trường làm thủ tục nhập học và nộp đầy đủ các giấy tờ theo quy định ghi trong giấy báo nhập học.

Điều 6. Sắp xếp sinh viên vào học các ngành đào tạo

- Sinh viên trúng tuyển trong kỳ thi tuyển sinh đại học và cao đẳng hàng năm được nhà trường gọi nhập học vào các ngành đào tạo theo đăng ký dự thi của sinh viên.

Trường hợp ngành đào tạo không đủ số lượng sinh viên tối thiểu là 20 người, Nhà trường không mở lớp và chuyển số sinh viên trúng tuyển vào các ngành học có cùng điểm chuẩn và khối thi. Một số trường hợp đặc biệt khác (Đào tạo theo đơn đặt hàng của Nhà nước, ngành đào tạo có thể ngừng tuyển sinh sau 3 năm không thể tuyển được sinh viên ...) Hội đồng tuyển sinh sẽ quyết định.

- Sinh viên trúng tuyển trong kỳ thi tuyển sinh đào tạo liên thông hệ chính quy từ trình độ cao đẳng lên trình độ đại học được Nhà trường sắp xếp vào học ngành đào tạo đã đăng ký cùng với sinh viên năm thứ ba.

Điều 7. Thông báo kế hoạch đào tạo

Đầu mỗi khóa học, Nhà trường thông báo cho sinh viên những thông tin về:

- Chương trình đào tạo toàn khóa của từng ngành học;
- Quy chế đào tạo và các quy định khác của Nhà trường.

Đầu mỗi học kỳ, Nhà trường thông báo cho sinh viên về:

- Danh mục các học phần và số lượng tín chỉ của mỗi học phần dự kiến giảng dạy trong học kỳ, điều kiện để đăng ký học các học phần đó;
- Số lớp học dự kiến tổ chức cho mỗi học phần, thời khóa biểu và lịch đăng ký học của các lớp học phần.

Điều 8. Tổ chức lớp học

Lớp học gồm 2 loại: Lớp sinh viên và lớp học phần

1. Lớp sinh viên là lớp được tổ chức theo khoa, khóa đào tạo hay theo ngành đào tạo, ổn định từ đầu đến cuối khóa học nhằm duy trì các hoạt động đoàn thể, các phong trào thi đua, các hoạt động chính trị-xã hội, văn hoá-văn nghệ, thể dục-thể thao và quản lý sinh viên trong quá trình học tập, rèn luyện.

Lớp sinh viên được tổ chức và hoạt động theo Quy chế công tác học sinh-sinh viên, chịu sự quản lý của phòng Công tác chính trị và học sinh-sinh viên, các khoa chủ quản.

2. Lớp học phần là lớp của các sinh viên cùng đăng kí một học phần, có cùng thời khóa biểu trong 01 học kỳ, do giảng viên phụ trách học phần theo dõi. Số

lượng sinh viên của một lớp học phần tùy thuộc vào sức chứa của phòng học và yêu cầu đặc thù của học phần. Số lượng sinh viên lớp học phần lý thuyết được quy định như sau:

- Lớp học phần thuộc khối kiến thức đại cương chung: 80 - 220 sinh viên/lớp
- Lớp học phần thuộc khối kiến thức khối ngành: 80 - 120 sinh viên/lớp
- Lớp học phần thuộc khối kiến thức ngành: 40 - 100 sinh viên/lớp
- Lớp học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành: tối thiểu 20 sinh viên/lớp
- Lớp học trực tuyến, được bố trí tối thiểu 3 lớp nhỏ, có số lượng từ 270 sinh viên trở lên.

- Lớp học phần Ngoại ngữ chuyên ngành: 35-40 sinh viên/lớp
- Lớp học phần Ngoại ngữ không chuyên: 41-60 sinh viên/lớp

Ngoài ra Nhà trường bố trí các nhóm thực hành Giáo dục Quốc phòng-An ninh (GDQP-AN), Giáo dục thể chất (GDTC) và các nhóm thực hành-thí nghiệm, thảo luận như sau:

- Nhóm thực hành GDQP-AN, GDTC chuyên ngành: 25-30 sinh viên/nhóm
- Nhóm thực hành GDQP-AN, GDTC không chuyên: 40-50 sinh viên/nhóm
- Nhóm thực hành - thí nghiệm, tập giảng: 15-20 sinh viên/nhóm
- Nhóm thảo luận: 35-50 sinh viên/nhóm

Các trường hợp khác do Hiệu trưởng quy định riêng.

Điều 9. Cố vấn học tập

Cố vấn học tập có trách nhiệm giúp sinh viên hiểu rõ quy chế đào tạo, chương trình đào tạo và những quy định của Nhà trường, hướng dẫn và tư vấn cho sinh viên lập kế hoạch học tập, xây dựng phương pháp học tập, theo dõi kết quả và tiến độ học tập của sinh viên để giúp sinh viên đạt kết quả cao nhất và tốt nghiệp trong thời hạn quy định.

Chức năng, nhiệm vụ của cố vấn học tập được quy định tại Quyết định số 3814/QĐ-ĐHV ngày 10/12/2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành kèm theo Quy định chức năng, nhiệm vụ của cố vấn học tập.

Điều 10. Đăng ký khối lượng học tập và hủy học phần

Học kỳ đầu tiên của khóa học, sinh viên đăng ký học phần theo thời khóa biểu do Nhà trường bố trí sẵn cho từng lớp/khóa học. Từ học kỳ thứ 2, sinh viên chủ động lựa chọn và đăng ký các lớp học phần qua mạng Internet. Cuối mỗi học kỳ, sinh viên phải đăng ký các học phần cho học kỳ tiếp theo. Việc đăng ký các học phần cho từng học kỳ được thực hiện theo Hướng dẫn đăng ký học dưới sự hướng dẫn của Cố vấn học tập.

- Khối lượng học tập sinh viên được đăng ký: Tối thiểu 15 tín chỉ và tối đa 25 tín chỉ trong một học kỳ chính, tối đa 10 tín chỉ trong học kỳ phụ (không kể các chứng chỉ quy đổi, hay các tín chỉ thuộc các môn học GDQP-AN, GDTC và các học phần thực tập ngoài trường, thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp).

- Việc đăng ký học các học phần trong từng học kỳ phải thoả mãn các điều kiện ràng buộc của học phần và trình tự học tập của mỗi ngành đào tạo cụ thể.

- Để đăng ký các học phần Ngoại ngữ không chuyên, sinh viên phải tham dự kiểm tra điều kiện (Ngoại ngữ điều kiện) theo kế hoạch hàng năm của Nhà trường. Sinh viên đạt kết quả kiểm tra Ngoại ngữ điều kiện (từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10) được đăng ký học các học phần Ngoại ngữ.

Sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh học Ngoại ngữ thứ 2 là Tiếng Pháp và không phải dự kiểm tra Ngoại ngữ điều kiện.

- Việc xét khen thưởng, cấp học bổng cho sinh viên được căn cứ vào khối lượng học tập của sinh viên tại thời điểm xét (trung bình tối thiểu 15 tín chỉ/học kỳ).

- Việc đăng ký bổ sung hoặc đổi sang học phần khác (đăng ký muộn) được thực hiện trong 2 tuần đầu của học kỳ chính hoặc trong tuần đầu của học kỳ phụ. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký được thực hiện sau 2 tuần kể từ đầu học kỳ chính nhưng không muộn quá 3 tuần; sau 1 tuần kể từ đầu học kỳ phụ nhưng không muộn quá 2 tuần. Ngoài thời hạn quy định, học phần vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng ký học và nếu sinh viên không đi học học phần này được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F.

Đối với những trường hợp có lý do chính đáng (ốm đau, tai nạn, chuyển trường, bảo lưu,...), việc đăng ký bổ sung hoặc hủy học phần được thực hiện theo quy trình: Sinh viên làm đơn trình bày lý do được các cơ quan chức năng xác nhận; có ý kiến của Cố vấn học tập, Ban chủ nhiệm khoa, Phòng Đào tạo và Ban giám hiệu phê duyệt thì mới được xử lý cá biệt.

Lịch đăng ký học cụ thể được Phòng Đào tạo thông báo trên website và lịch công tác tuần của Nhà trường.

Điều 11. Môn học Giáo dục quốc phòng-an ninh và Giáo dục thể chất

Đối với môn học GDQP-AN, GDTC: Kết quả đánh giá môn học không tính vào điểm trung bình chung học tập, điểm trung bình chung tích lũy mà được cấp chứng chỉ để xét và công nhận tốt nghiệp theo điểm đ, khoản 1, điều 27 của Quy chế đào tạo số 43 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT. Việc đánh giá kết quả học tập môn học GDQP-AN và GDTC được thực hiện theo khoản 4 điều 15 của Quy định này.

Điều 12. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học

1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo năm học, nhằm giúp cho sinh viên có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình. Sinh viên bị đưa vào diện cảnh báo học tập nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất, dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai, dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khóa;

b) Số tín chỉ tích lũy đạt dưới 10 tín chỉ đối với sinh viên năm thứ nhất, dưới 20 tín chỉ đối với sinh viên năm thứ hai, dưới 30 tín chỉ đối với sinh viên năm thứ 3; dưới 45 tín chỉ đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khóa;

c) Tổng số tín chỉ của các học phần bị điểm F còn tồn đọng tính từ đầu khóa học đến thời điểm xét vượt quá 24 tín chỉ (không tính các học phần GDQP-AN và GDTC).

2. Sau mỗi năm học, sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

a) Có số lần cảnh báo kết quả học tập vượt quá 2 lần liên tiếp;

b) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Quy định này;

c) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Quy chế 43 hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của Nhà trường.

3. Sinh viên có quyết định buộc thôi học, chậm nhất sau 1 tháng được Nhà trường thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú.

Điều 13. Nghỉ học tạm thời

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang;

b) Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế từ cấp huyện và tương đương trở lên kèm theo hồ sơ bệnh án;

c) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Điều 12 của Quy định này và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 trở lên. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 3 Điều 4 của Quy định này.

Sinh viên nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân ngoài các điều kiện như đã nêu ở trên phải làm đơn đề nghị có xác nhận của Trợ lý quản lý học sinh-sinh viên, Trưởng khoa và xác nhận kết quả học tập của Trưởng phòng Đào tạo, gửi Phòng Công tác chính trị -HS,SV để trình Hiệu trưởng xem xét quyết định.

2. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại Trường, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng (qua Phòng Công tác chính trị- HS,SV) ít nhất một tuần trước khi bắt đầu đăng ký học ở học kỳ mới.

Hết thời gian nghỉ học theo Quyết định, sinh viên không đến làm thủ tục vào học sẽ bị Nhà trường xoá tên trong danh sách theo quy định.

Điều 14. Học thêm ngành, học lại và học cải thiện điểm

1. Học thêm ngành

a) Sinh viên được đăng ký học thêm ngành thứ 2, nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây :

- Điểm trung bình chung tích lũy của quá trình học tập tính đến thời điểm xét đạt từ 2,00 điểm trở lên được đăng ký học ngành 2 các ngành ngoài sư phạm;

- Điểm trung bình chung tích lũy của quá trình học tập tính đến thời điểm xét đạt từ 2,50 điểm trở lên được đăng ký học ngành 2 các ngành sư phạm.

Sinh viên đăng ký học các ngành sư phạm phải có ngoại hình cân đối, không có dị tật, dị hình, không nói ngọng, nói lắp, không vi phạm kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Khối lượng học tập tích lũy phải đạt từ 15 tín chỉ/ 1 học kỳ.

b) Quy định đăng ký học ngành 2

Sinh viên đủ điều kiện học ngành 2 được đăng ký học thêm 1 ngành theo quy định ở bảng sau:

Sinh viên học ngành thứ nhất	Được đăng ký học ngành thứ 2
Các ngành khối C	Các ngành khối C, D
Các ngành khối A, A1, B	Các ngành khối A, A1, B, D
Các ngành khối D	Các ngành khối A, D
Các ngành khối T	Các ngành khối T, B
Các ngành khối M	Các ngành khối M, D, C

c) Khi học ngành 2, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình của ngành 1.

d) Sinh viên được xét học ngành 2 vào khóa học nào thì phải học theo chương trình đào tạo của khóa học đó.

đ) Đối với sinh viên học song song 2 ngành nếu đã tốt nghiệp ngành thứ nhất vẫn còn tiếp tục học ngành 2 thì việc quản lý học tập và sinh hoạt của sinh viên được chuyển về khoa có ngành mà sinh viên đang theo học.

e) Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp ngành 2 nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ngành 1.

g) Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học ngành 2 là thời gian tối đa cho chương trình của ngành 1, được quy định tại khoản 3 Điều 4 của Quy định này.

h) Việc xét học thêm ngành được Nhà trường tổ chức vào 2 đợt:

+ Đợt 1: Kết thúc học kỳ 1 năm học thứ nhất.

+ Đợt 2: Kết thúc học kỳ 2 năm học thứ nhất.

2. Học lại

Sinh viên phải học lại học phần nếu:

- Học phần đó sinh viên bị điểm F .

- Học phần đó sinh viên không đủ điều kiện dự thi.

3. Học cải thiện điểm

Sinh viên được học cải thiện điểm đối với các học phần đạt điểm D, D⁺.

Sinh viên đăng ký học lại các học phần bị điểm F hoặc các học phần để cải thiện điểm vào các học kỳ tiếp theo của khóa học. Điểm xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm học phần cao nhất trong các lần học.

Sinh viên học lại hoặc học cải thiện điểm học phần nào phải nộp học phí học phần đó theo quy định của Nhà trường.

Chương III

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ TỔ CHỨC THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Điều 15. Đánh giá kết quả học tập

1. **Kết quả học tập của sinh viên** được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

a) Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

b) Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình chung của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó tính theo thang điểm 4, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

c) Khối lượng kiến thức tích lũy là tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ đạt từ điểm D trở lên tính từ đầu khóa học.

d) Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình chung tính theo thang điểm 4 của các học phần, được đánh giá bằng các điểm chữ đạt từ điểm D trở lên mà sinh viên đã học, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét.

2. **Thang điểm đánh giá kết quả học tập theo từng học phần** được quy định như sau:

Điểm chữ	Điểm 10 tương ứng	Quy ra thang điểm 4
A	8,5 – 10,0	4
B+	8,0 – 8,4	3,5
B	7,0 – 7,9	3
C+	6,5 – 6,9	2,5
C	5,5 – 6,4	2
D+	5,0 – 5,4	1,5
D	4,0 – 4,9	1
F	< 4,0	0

3. **Điểm học phần được tổ hợp từ các điểm đánh giá bộ phận, gồm:**

a) Điểm chuyên cần, chiếm trọng số 10% điểm học phần, bao gồm: điểm chuyên cần và thái độ học tập (có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà).

Sinh viên phải dự học ở lớp từ 80% số tiết học của học phần trở lên mới đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần.

Sinh viên không được dự thi học phần bị tính điểm 0 (điểm F) cho học phần đó và phải học lại.

b) Điểm đánh giá giữa học phần, chiếm trọng số 20% điểm học phần, bao gồm các loại: điểm kiểm tra bài cũ, kiểm tra giữa kỳ, xêmina, bài tập... được tổng hợp thành 1 con điểm (Mỗi học phần phải có ít nhất một bài kiểm tra và giảng viên phải trình các bài kiểm tra giữa kỳ cho Trường bộ môn kiểm tra, xác nhận).

c) Điểm thi kết thúc học phần, chiếm trọng số 70% điểm học phần, cụ thể như sau:

- Học phần không có thực hành, thí nghiệm thì điểm thi kết thúc học phần là điểm của bài thi học kỳ theo kế hoạch chung của Nhà trường.

- Học phần có cả lý thuyết và thực hành, thí nghiệm thì điểm thi kết thúc học phần gồm 2 con điểm: điểm của bài thi cuối học kỳ (ký hiệu a_3) và điểm phần thí nghiệm (ký hiệu là a_3') là trung bình cộng điểm của các bài thí nghiệm làm tròn đến một chữ số thập phân.

Tất cả các điểm bộ phận đều cho theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

Giảng viên trực tiếp chấm điểm chuyên cần và thái độ học tập, điểm đánh giá giữa học phần, điểm các bài thí nghiệm và phải thông báo công khai cho sinh viên trước khi nộp điểm về văn phòng khoa.

- Đối với các học phần thực hành, thí nghiệm:

Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các bài thực hành, thí nghiệm. Nếu vắng mặt ở bài thực hành, thí nghiệm nào thì phải tự túc kinh phí để làm lại bài thực hành, thí nghiệm đó theo quy định của Nhà trường.

Điểm học phần thực hành, thí nghiệm là trung bình cộng điểm của các bài thực hành, thí nghiệm trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân.

d) Công thức tính điểm học phần

- Đối với học phần không có thực hành, thí nghiệm:

$$a = a_1 \cdot 0,1 + a_2 \cdot 0,2 + a_3 \cdot 0,7$$

- Đối với các học phần có cả lý thuyết và thực hành :

$$a = a_1 \cdot 0,1 + a_2 \cdot 0,2 + \left(\frac{a_3 \cdot m + a_3' \cdot n}{m + n} \right) \cdot 0,7$$

(làm tròn đến một chữ số thập phân)

Trong đó:

a: điểm học phần

a_1 : điểm chuyên cần

a_2 : điểm đánh giá giữa học phần

a_3 : điểm thi kết thúc học phần phần lý thuyết (gồm cả bài tập, xêmina)

a_3' : điểm phần thực hành, thí nghiệm

m: số tiết lý thuyết (gồm cả bài tập, xêmina) } đã được quy định trong khối

n: số tiết thực hành, thí nghiệm } lượng kiến thức học phần

Công thức nêu trên được lập trong phần mềm quản lý điểm học phần. Giảng viên và cán bộ văn phòng chỉ nhập các điểm bộ phận a_1, a_2, a_3, a_3' , phần mềm quản lý đào tạo sẽ chuyển thành điểm học phần.

Vào đầu học kỳ, giảng viên in danh sách sinh viên lớp học phần do mình đảm nhận giảng dạy để theo dõi, đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Cuối học kỳ, giảng viên nộp danh sách kèm bảng điểm bộ phận cho Trưởng bộ môn kiểm tra, xác nhận, sau đó chuyển cho văn phòng khoa chuyên ngành và cùng với cán bộ văn phòng khoa chuyên ngành nhập điểm vào phần mềm quản lý đào tạo và ký xác nhận vào bảng điểm in sau khi nhập xong dữ liệu.

đ) Quy định về việc sửa điểm, điều chỉnh điểm học phần

Việc sửa điểm, điều chỉnh điểm học phần (điểm chuyên cần, điểm đánh giá giữa học phần, điểm thi kết thúc học phần...) do sai sót trong các khâu nhập điểm, chấm điểm hay bất kỳ ở một khâu nào khác, phải được lập biên bản đề nghị sửa điểm và minh chứng kèm theo có chữ ký xác nhận của cán bộ vào điểm, cán bộ chấm, Trưởng bộ môn, Trưởng khoa, Trưởng phòng Đào tạo gửi về Trung tâm Đảm bảo chất lượng để xem xét sửa, cập nhật lại điểm.

Trung tâm Đảm bảo chất lượng chỉ được phép sửa điểm trên hệ thống khi có biên bản, hồ sơ đề nghị của các khoa đào tạo theo đúng quy định như trên. Việc sửa điểm phải được lưu dấu tích trên hệ thống mạng quản lý điểm và được phân quyền cho các đơn vị: Trung tâm đảm bảo chất lượng, Phòng Đào tạo để phối hợp quản lý, theo dõi xác định kết quả điểm phục vụ cho quá trình xét cấp chứng chỉ, văn bằng tốt nghiệp và các vấn đề khác liên quan đến kết quả học tập của sinh viên. Các hồ sơ sửa điểm phải được lưu giữ tại Trung tâm Đảm bảo chất lượng để phục vụ cho công tác kiểm tra, thanh tra khi có yêu cầu của Nhà trường.

4. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên đối với các môn học Giáo dục Quốc phòng-An ninh (GDQP-AN) và Giáo dục thể chất (GDTC)

- Đối với môn học GDQP-AN: Có điểm tổng kết môn học đạt từ điểm C trở lên (tương đương với 5,5 trở lên theo thang điểm 10).

- Đối với môn học GDTC: Có điểm trung bình chung các học phần GDTC (học phần chung và học phần tự chọn CLB) đạt từ 5,5 trở lên theo thang điểm 10, không học phần nào bị điểm F.

- Những sinh viên thuộc các trường hợp sau đây được miễn học môn học GDQP-AN, GDTC: sinh viên khuyết tật không tự phục vụ được bản thân có giấy xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền, sinh viên đã có chứng chỉ GDQP-AN, GDTC phù hợp với trình độ đào tạo và một số trường hợp cụ thể khác được quy định trong các văn bản của Nhà nước ban hành.

Điều 16. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Căn cứ vào kế hoạch đào tạo, Nhà trường tổ chức thi kết thúc học phần theo từng học kỳ. Sinh viên dự thi kết thúc học phần theo lịch thi và hướng dẫn tổ chức thi kết thúc học phần của Nhà trường.

- Đối với từng học phần, mỗi lần học sinh viên chỉ được dự thi một lần. Nếu điểm học phần chưa đạt, sinh viên phải học lại.

- Sinh viên vắng thi không có lí do chính đáng phải nhận điểm 0 đối với học phần vắng thi và phải học lại học phần đó.

2. Trung tâm Đảm bảo chất lượng chủ trì, phối hợp với Phòng Đào tạo và các khoa đào tạo lập kế hoạch thi và tổ chức kỳ thi các học phần cho từng học kỳ theo Điều 20 của Quy chế đào tạo số 43.

3. Nhà trường ban hành văn bản quy định và hướng dẫn tổ chức kỳ thi kết thúc học phần để thực hiện thống nhất trong toàn trường.

4. Lưu trữ bài thi: Bài thi viết, bài tập lớn, tiểu luận được lưu giữ tại văn phòng khoa ít nhất là 3 năm kể từ ngày thi hoặc ngày nộp bài tập lớn, tiểu luận. Việc bảo quản và hủy bài thi được thực hiện theo quy định của Pháp lệnh lưu trữ và Thông tư số 09/2011/TT-BNV ngày 03/06/2011 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức.

Điều 17. Hình thức thi kết thúc học phần và đề thi

1. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là tự luận, trắc nghiệm khách quan (trên giấy hoặc trên máy tính), vấn đáp, bài tập lớn, thi thực hành trực tiếp trên máy tính. Các khoa đào tạo đề nghị Hiệu trưởng duyệt và công bố hình thức thi thích hợp cho từng học phần.

a) Quy định thời gian thi theo hình thức tự luận và trắc nghiệm khách quan như sau:

a1) Tự luận

- 90 phút đối với các học phần có khối lượng kiến thức 2 tín chỉ.

- 120 phút đối với các học phần có khối lượng kiến thức từ 3 tín chỉ trở lên.

a2) Trắc nghiệm khách quan (trên giấy hoặc trên máy tính)

- 40 phút đối với các học phần có khối lượng kiến thức 2 tín chỉ.

- 60 phút đối với các học phần có khối lượng kiến thức từ 3 tín chỉ trở lên.

a3) Các học phần thi thực hành trực tiếp trên máy tính

- 60 phút đối với các học phần có khối lượng kiến thức 2 tín chỉ.

- 75 phút đối với các học phần có khối lượng kiến thức từ 3 tín chỉ trở lên.

b) Hình thức làm bài tập lớn để thay thế điểm thi kết thúc học phần chỉ thực hiện đối với các học phần có khối lượng kiến thức lý thuyết từ 3 tín chỉ trở lên.

Điều kiện làm bài tập lớn như sau:

b1) Sinh viên phải có mặt ở lớp ít nhất 90% số tiết học của học phần tính đến thời điểm xét làm bài tập lớn và phải có tinh thần, thái độ học tập tốt.

b2) Có điểm kiểm tra giữa kỳ đạt từ 8,0 trở lên.

b3) Tỷ lệ sinh viên làm bài tập lớn đối với học phần không quá 10% số sinh viên của lớp học phần.

b4) Trong một học kỳ, mỗi sinh viên chỉ được làm tối đa 01 bài tập lớn.

Sau khi kiểm tra giữa kỳ lần thứ nhất, giảng viên lập danh sách sinh viên đủ điều kiện, năng lực và có nguyện vọng làm bài tập lớn, trình Trưởng bộ môn duyệt, công bố trước lớp và giao đề tài cho sinh viên.

Sau khi được xét làm bài tập lớn nếu sinh viên vi phạm về chuyên cần và thái độ học tập thì phải dừng làm bài tập lớn để chuyển sang hình thức thi.

Việc chấm bài tập lớn phải do hai giảng viên có cùng chuyên môn thực hiện. Trong bài tập lớn phải có điểm thành phần, điểm toàn bài, có nhận xét ưu nhược điểm, có chữ ký và ghi rõ họ tên của cán bộ chấm thi.

2. Đề thi kết thúc học phần được lấy từ ngân hàng đề thi. Nhà trường có văn bản hướng dẫn và triển khai xây dựng đề thi học phần.

Điều 18. Thực tập cuối khóa, làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp hoặc học hai học phần chuyên môn thay thế

1. Thực tập cuối khóa

a) Đối với các ngành đào tạo sư phạm, gọi là "Thực tập sư phạm" (TTSP). Đối với các ngành đào tạo ngoài sư phạm, thực tập cuối khóa gọi là "Thực tập tốt nghiệp".

b) Trong thời gian “Thực tập sư phạm” và “Thực tập tốt nghiệp” sinh viên không được đăng ký học thêm các học phần khác.

Yêu cầu, nội dung, quy trình thực hiện và đánh giá kết quả thực tập được quy định ở văn bản quy định và hướng dẫn do Hiệu trưởng ban hành.

2. Đồ án, khóa luận tốt nghiệp

a) Đồ án, khóa luận tốt nghiệp được xem là một học phần có khối lượng kiến thức 5 – 10 tín chỉ tùy theo ngành đào tạo và được quy định trong “Khung chương trình đào tạo”.

b) Điều kiện để làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp:

b1) Đối với các ngành làm đồ án tốt nghiệp: Sinh viên tích lũy đủ số tín chỉ của các học phần trong chương trình tính từ đầu khóa học đến thời điểm xét làm đồ án, không bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên. Tỷ lệ sinh viên làm đồ án tốt nghiệp do Hiệu trưởng quy định tùy theo từng khóa học.

b2) Đối với các ngành còn lại, sinh viên được xét làm khóa luận tốt nghiệp phải đáp ứng những quy định sau:

- Tính đến thời điểm xét làm khóa luận, sinh viên tích lũy đủ số tín chỉ của các học phần và có điểm trung bình chung học tập (lấy điểm của lần học thứ nhất) phải đạt từ điểm C⁺ (tương đương điểm 2,50 của thang điểm hệ 4) trở lên; trong đó

điểm của các học phần thuộc lĩnh vực làm khóa luận tốt nghiệp phải đạt từ điểm B trở lên và sinh viên không bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

- Tỷ lệ sinh viên được làm khóa luận tốt nghiệp không quá 20% tổng số sinh viên của ngành học trong khóa đó.

c) Mỗi giảng viên hướng dẫn không quá 5 đề án, khóa luận tốt nghiệp trong một học kỳ.

d) Giao đề án, khóa luận tốt nghiệp

- Vào đầu học kỳ 7 đối với các ngành đào tạo 4 năm, học kỳ 9 đối với các ngành đào tạo 5 năm, Trường khoa chủ quản thông báo cho sinh viên đủ điều kiện về học lực và phẩm chất đạo đức nộp đơn đăng ký làm đề án, khóa luận tốt nghiệp. Hội đồng khoa học và đào tạo của khoa xem xét và lập danh sách trình Trường khoa ký đề nghị Hiệu trưởng xét duyệt. Sau khi có Quyết định của Hiệu trưởng, Trường khoa thông báo cho sinh viên thực hiện đề tài dưới sự hướng dẫn của giảng viên do khoa phân công. Các ngành khoa học thực nghiệm có thể giao cho sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp sớm hơn 1 học kỳ, nhưng nếu ở học kỳ tiếp theo điểm TBCHT của sinh viên dưới điểm C (lấy điểm của lần học thứ nhất) thì phải ngừng làm khóa luận và chuyển sang học và thi hai học phần chuyên môn thay thế.

- Giảng viên hướng dẫn, tổ bộ môn và khoa có trách nhiệm theo dõi tiến độ và đánh giá đối với sinh viên trong thời gian làm đề án, khóa luận tốt nghiệp.

đ) Việc chấm đề án, khóa luận tốt nghiệp được thực hiện theo quy định tại Điều 25 của Quy chế đào tạo số 43.

3. Học hai học phần thay thế đề án, khóa luận tốt nghiệp

- Đối với các sinh viên không được giao làm đề án, khóa luận tốt nghiệp, Nhà trường sẽ tổ chức học 2 học phần thay thế (được quy định trong khung chương trình đào tạo).

- Phòng Đào tạo phối hợp với Khoa chủ quản tổ chức cho sinh viên học hai học phần chuyên môn vào học kỳ cuối cùng của khóa học.

- Hai học phần thay thế này được tổ chức đánh giá như các học phần bình thường.

Điều 19. Điều kiện xét, công nhận tốt nghiệp và xếp hạng tốt nghiệp

Việc xét, công nhận và xếp hạng tốt nghiệp cho sinh viên được thực hiện theo Điều 27, 28 Quy chế đào tạo số 43 có sửa đổi, bổ sung khoản 1, điều 27 theo Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đối với sinh viên đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học hệ chính quy, việc xét, công nhận và xếp hạng tốt nghiệp ngoài các quy định của Quy chế đào tạo số 43 còn được thực hiện theo Quy định tạm thời số 1335/QĐ-ĐHV ngày 06/6/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ HIỆU LỰC ÁP DỤNG

Điều 20. Tổ chức thực hiện

Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng các khoa đào tạo và Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm triển khai và hướng dẫn chi tiết nội dung Quy định này đến toàn thể cán bộ, giảng viên và sinh viên chính quy trong Nhà trường.

Điều 21. Hiệu lực áp dụng

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề chưa phù hợp, các đơn vị đề xuất với Nhà trường (qua Phòng Đào tạo) để bổ sung, điều chỉnh.

HIỆU TRƯỞNG 


PGS.TS. Đinh Xuân Khoa